TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 386/2026/HS-ST
Ngày 13/07/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vĩ - Cán bộ nghỉ hưu.

Ông Dương Văn Xuyên - Giáo viên nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 357/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 06 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 06 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên **Nguyễn Trung H,** sinh ngày 08/08/1984 tại Hà Nội; hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà B, ngõ B, tổ dân phố L, phường V, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Trọng V, sinh năm 1942 và con bà: Ngô Thị C, sinh năm 1946 (đã chết) ; Vợ: Phạm Thị Thanh H1, sinh năm 1982; con: 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: **Công ty Cổ phần E**.

Địa chỉ: Lô A, Khu công nghiệp Q, xã Q, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh H2 - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ H3 - Chuyên viên An ninh nội bộ, Công ty Cổ phần E (Giấy ủy quyền số: 420/2023/UQ-EW ngày 18/07/2023) - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/7/2011, Công ty Cổ phần E đã ký Hợp đồng lao động số 7205/2011/EW với Nguyễn Trung H, thời hạn: Không thời hạn. Đến ngày 18/4/2014, Nguyễn Trung H được bổ nhiệm làm Quản đốc Xưởng gỗ tại Nhà máy A, Công ty Cổ phần E. Năm 2020, Nguyễn Trung H xây nhà cho bố mẹ đẻ tại xóm A Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình. Để hoàn thiện nội thất và phần cửa của ngôi nhà, Nguyễn Trung H đã nhờ Nguyễn Văn T (chưa xác định được nhân thân, lý lịch) là nhân viên kỹ thuật của Nhà máy 1 Công ty Cổ phần E liên hệ với Trần Phương D là nhân viên phòng kinh doanh của Công ty Cổ phần E để làm hợp đồng mua các sản phẩm bằng gỗ của Công ty Cổ phần E gồm: Khung bao cửa D2, khung bao cửa D3, khung bao cửa D4, ốp chân tường, phôi bàn, phôi ghế, phôi bàn học, vách ngăn, xương gỗ 1 (giường đôi), xương gỗ 2 (giường đơn). Ngày 16/04/2020, Trần Phương D đã lập 01 Hợp đồng mua bán số 2010366/20102221/NR/KK, phần thông tin người mua hàng là Phạm Thị C2 - vợ của D; địa chỉ công trình: xóm A Đ, xã Q, tỉnh Ninh Bình (nhà bố mẹ H) và Duy tự ký tên phần người mua hàng, giá trị phải thanh toán theo hợp đồng trên là 22.551.241 đồng (sau khi đã triết khấu 10% theo chính sách của Công ty) và Nguyễn Trung H đã thanh toán toàn bộ số tiền trên cho Công ty Cổ phần E. Sau khi hoàn thiện hồ sơ và thanh toán hợp đồng, Phòng Hành chính kinh doanh của Công ty Cổ phần E gửi Lệnh sản xuất kèm bản vẽ chi tiết đến Phân xưởng sản xuất gỗ của Nhà máy 1 nơi H làm Quản đốc để sản xuất. Lúc này, Nguyễn Trung H nhận thấy một số chi tiết, sản phẩm trên bản vẽ gửi kèm Lệnh sản xuất chưa phù hợp với công trình của gia đình mình nên nảy sinh ý định chiếm đoạt nguyên liệu DECE (là số nguyên vật liệu thừa trong quá trình sản xuất các đơn hàng trước đó của Công ty Cổ phần E và có thể tái sử dụng cho đơn hàng tiếp theo) hiện có tại xưởng sản xuất gỗ thuộc quyền quản lý của H để bổ sung, thay đổi các sản phẩm H đã đặt cho phù hợp với công trình của gia đình. Sau đó, H đã tự ý thay đổi bản vẽ thiết kế đối với đơn hàng mà H đã đặt do Phòng Hành chính kinh doanh gửi xuống làm cho khối lượng cũng như giá trị sản phẩm tăng lên gồm: 01 bộ khung bao + pano cánh cửa D4; 03 bộ K bao cửa D2, bằng gỗ beech tự nhiên;

01 bộ khung bao cửa D3 gỗ lim Nam Phi; 01 phôi bàn ăn gỗ beech tự nhiên, kích thước dài 1670mm, rộng 580mm, cao 730mm; 06 phôi ghế gỗ beech tự nhiên, kích thước mỗi phôi dài 420mm, rộng 370mm, cao 870mm; 03 bộ phôi bàn học, có giá sách bằng gỗ beech tự nhiên; 02 bộ xương gỗ 1 (giường đôi) bằng gỗ beech tự nhiên, kích thước mỗi bộ dài 2030mm, rộng 1600mm và 01 bộ xương gỗ 2 (giường đơn) bằng gỗ beech tự nhiên, kích thước dài 2030mm, rộng 1200mm. Đồng thời, lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Quản đốc, H đã chỉ đạo công nhân thuộc Xưởng sản xuất gỗ sử dụng định mức nguyên vật liệu được giao theo đơn đặt hàng và nguyên liệu DECE để tại Xưởng sản xuất gỗ để tiến hành sản xuất các chi tiết, sản phẩm theo thiết kế mà H đã tự ý thay đổi. Khi đơn hàng hoàn thành, H tiếp tục chỉ đạo 05 công nhân do mình quản lý đến công trình của gia đình H lắp đặt các sản phẩm và quyết toán tiền nhân công của 05 công nhân là 1.000.000 đồng (200.000 đồng/người) với Công ty Cổ phần E, trong khi Hợp đồng quy định về việc nắp đặt tại công trình.

Đến tháng 6/2023, Công ty Cổ phần E tiến hành tổng kiểm tra quy trình sản xuất thì phát hiện hành vi nêu trên của H nên đã trình báo Công an huyện M giải quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 104/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện M, thành phố Hà Nội kết luận:

- 01 bộ khung bao + pano cánh cửa D4: có giá trị 27.029.100 đồng.

- 03 bộ khung bao cửa D2, bằng gỗ beech tự nhiên: có giá trị 10.488.900 đồng.

- 01 bộ khung bao cửa D3 gỗ lim Nam Phi: có giá trị 3.476.800 đồng.

- 01 phôi bàn ăn gỗ beech tự nhiên, kích thước dài 1670mm, rộng 580mm, cao 730mm; 06 phôi ghế gỗ beech tự nhiên, kích thước mỗi phôi dài 420mm, rộng 370mm, cao 870mm: có giá trị 6.500.000 đồng.

- 03 bộ phôi bàn học, có giá sách bằng gỗ beech tự nhiên: có giá trị 4.356.000 đồng.

- 02 bộ xương gỗ 1 (giường đôi) bằng gỗ beech tự nhiên, kích thước mỗi bộ dài 2030mm, rộng 1600mm: có giá trị 16.000.000 đồng.

- 01 bộ xương gỗ 2 (giường đơn) bằng gỗ beech tự nhiên, kích thước dài 2030mm, rộng 1200mm: có giá trị 7.187.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 75.037.800 đồng.

Bản cáo trạng số: 102/CT-VKSKV7-HN ngày 04/06/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội truy tố Nguyễn Trung H về tội "Tham ô tài sản" theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trung H khai: Năm 2005, bị cáo vào làm công nhân tại Nhà máy A. Năm 2012, bị cáo được bổ nhiệm làm Phó Quản đốc Xưởng sơn nhôm. Năm 2014, được bổ nhiệm làm Quản đốc Xưởng gỗ tại Nhà máy 1, nhiệm vụ của bị cáo là quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất của X gỗ.

Khoảng năm 2020, bị cáo xây nhà cho bố mẹ tại địa chỉ: Xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Để hoàn thiện nội thất và phần cửa, bị cáo nhờ Nguyễn Văn T (bị cáo không biết địa chỉ) liên hệ với anh Trần Phương D là nhân viên kinh doanh của Công ty đặt mua sản phẩm gồm: Các phôi đi cửa của 01 bộ cửa chính 4 cánh, phôi khung bao của 04 bộ cửa thông phòng, 02 giường đôi, 01 giường đơn, 03 bàn học có giá sách, 01 bàn ăn + 06 ghế, 01 bộ ốp chân tường, 01 bộ vách ngăn với tổng số tiền 22.550.000 đồng, bị cáo đã thanh toán đủ số tiền trên. Khi bị cáo nhận được Lệnh sản suất kèm bản vẽ thiết kế đơn hàng của mình, bị cáo thấy có một số chi tiết của sản phẩm theo bản thiết kế chưa phù hợp về chất lượng, kết cấu của công trình nên đã tự ý thay đổi thiết kế mà không báo cáo Lãnh đạo Công ty. Tiếp đó, bị cáo chỉ đạo các công nhân của Xưởng gỗ thuộc quyền quản lý của mình sử dụng định mức nguyên liệu được giao và tận dụng các đầu mẩu DECE hiện có tại xưởng để sản xuất ra các sản phẩm phù hợp với công trình của gia đình. Đồng thời, bị cáo biết theo Hợp đồng thì gia đình bị cáo phải tự nắp đặt sản phẩm nhưng bị cáo vẫn tự ý điều động 05 công nhân của Xưởng gỗ đến lắp đặt các sản phẩm tại nhà bị cáo và quyết toán 1.000.000 đồng tiền nhân công với Công ty mà không được sự đồng ý của Lãnh đạo Công ty. Toàn bộ việc làm nêu trên, bị cáo tự ý làm, không bàn bạc, trao đổi với ai, bị cáo cũng chỉ nhờ Tới đặt hàng và T nhờ D làm hợp đồng, T và D không hề biết bị cáo thay đổi thiết kế cũng như chiếm đoạt nguyên liệu DECE hay tiền nhân công của Công ty. Sau khi phát hiện sự việc, Công ty Cổ phần E đã tính khối lượng tăng thêm của đơn hàng và yêu cầu bị cáo đã bồi thường 73.348.244 đồng, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình nên tự nguyện bồi thường 73.348.244 đồng theo yêu cầu của Công ty và không có ý kiến gì về số tiền đã bồi thối thường, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa sai lầm và chăm sóc gia đình.

** Người đại diện theo ủy quyền của Công ty CP E là ông Vũ H3 trình bày:*

Ngày 18/04/2014, Nguyễn Trung H được bổ nhiệm làm quản đốc xưởng gỗ tại Nhà máy 1 của Công ty Cổ phần E; chức năng, nhiệm vụ chính của H là quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất của X gỗ.

Ngày 16/04/2020, Công ty Cổ phần E và bà Phạm Thị C2 đã ký kết Hợp đồng mua bán số 2010366/2010221/NR/KK để mua các sản phẩm cửa đi bằng nguyên liệu gỗ tự nhiên của Công ty Cổ phần E; địa điểm nhận hàng tại công trình tại Xóm D, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, người nhận hàng là bà Nguyễn Thị P (là chị gái của Nguyễn Trung H), giá trị hợp đồng là 24.949.379 đồng, nhưng đơn hàng được chiết khấu 10% theo chính sách của Công ty nên số tiền còn phải thanh toán là 22.551.241 đồng. Sau đó khách hàng đã thanh toán đủ số tiền 22.551.241 đồng.

Ngày 24/4/2020, Lãnh đạo nhà máy đã ký duyệt Lệnh sản xuất số 806928, thiết kế mẫu và sản phẩm theo Phụ lục hợp đồng số 1: Bản vẽ thiết kế và Phụ lục hợp đồng số 02: Báo giá 930467 ngày 24/4/2020. Sau đó, Lệnh sản xuất kèm bản vẽ thiết kế chi tiết được chuyển đến Xưởng gỗ, Nhà máy 1 nơi H làm Quản đốc để sản xuất. Trong quá trình sản xuất, lợi dụng chức vụ là Quản đốc Xưởng gỗ, H đã chỉ đạo công nhân trong Xưởng gỗ sử dụng nguyên liệu định mức được giao và nguyên liệu DECE của Công ty đang để tại xưởng để hoàn thành sản phẩm khác với kích thước, số lượng, chất lượng theo Phụ lục hợp đồng số 1 mà không được sự đồng ý của Lãnh đạo Công ty. Đồng thời, theo Hợp đồng mua bán số 2010366/2010221/NR/KK thì khách hàng phải tự lắp đặt nhưng H đã tự ý điều động 05 công nhân của X gỗ 1 về lắp đặt tại công trình nhà H và quyết toán tiền nhân công 1.000.000 đồng (200.000 đồng/1 người) với Công ty mà không được phê duyệt của Tổng giám đốc. Hành vi của H đã gây thiệt hại cho Công ty 73.348.244 đồng. Đến ngày 27/07/2023, Nguyễn Trung H đã bồi thường số tiền 73.348.244 đồng cho Công ty và Công ty không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội luận tội:*

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 353, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt Nguyễn Trung H mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Tham ô tài sản". Thời gian thử thách 60 tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Từ khoảng tháng 04/2020 đến tháng 06/2020, tại Xưởng gỗ, Nhà máy 1, Công ty Cổ phần E; địa chỉ: Lô A, Khu công nghiệp Q, xã Q, thành phố Hà Nội, Nguyễn Trung H lợi dụng chức vụ, quyền hạn là Quản đốc Xưởng gỗ, Nhà máy 1, Công ty Cổ phần E đã tự ý thay đổi bản vẽ thiết kế theo Lệnh sản xuất số 806928 và Phụ lục hợp đồng số 1 của Công ty Cổ phần E đối với đơn hàng H đặt mua theo Hợp đồng mua bán số 2010366/20102221/NR/KK ngày 16/04/2020. Đồng thời chỉ đạo các công nhân Xưởng gỗ nơi H làm Quản đốc sử dụng định mức nguyên liệu được giao và nguyên liệu DECE của Công ty đang để tại Xưởng gỗ thuộc quyền quản lý của H để sản xuất ra các sản phẩm khác với thiết kế ban đầu của Công ty gồm: 01 bộ khung bao + pano cánh cửa D4; 03 bộ K bao cửa D2, bằng gỗ beech tự nhiên; 01 bộ khung bao cửa D3 gỗ lim Nam Phi; 01 phôi bàn ăn gỗ beech tự nhiên, kích thước dài 1670mm, rộng 580mm, cao 730mm; 06 phôi ghế gỗ beech tự nhiên, kích thước mỗi phôi dài 420mm, rộng 370mm, cao 870mm; 03 bộ phôi bàn học, có giá sách bằng gỗ beech tự nhiên; 02 bộ xương gỗ 1 (giường đôi) bằng gỗ beech tự nhiên, kích thước mỗi bộ dài 2030mm, rộng

1600mm và 01 bộ xương gỗ 2 (giường đơn) bằng gỗ beech tự nhiên, kích thước dài 2030mm, rộng 1200mm làm tăng giá trị hợp đồng từ 22.551.241 đồng lên 75.037.800 đồng, nhằm chiếm đoạt của Công ty Cổ phần E1 52.486.559 đồng. Mặt khác, trong hợp đồng thỏa thuận, khách hàng phải tự lắp đặt nhưng H vẫn chỉ đạo 05 công nhân dưới quyền đến lắp đặt các sản phẩm tại công trình của gia đình H mà không được sự phê duyệt của Công ty và quyết toán tiền nhân công của 05 công nhân là 200.000 đồng/người = 1.000.000 đồng với Công ty Cổ phần E. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của Công ty Cổ phần E1 là 53.486.559 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như nêu trên là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Bộ luật Hình sự đã quy định.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu thể hiện nhân thân tốt.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo trong quá trình lao động, sản xuất đã được Công ty Cổ phần E tặng thưởng nhiều Bằng khen; bố mẹ bị cáo là người có công với cách mạng; tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đồng thời nhận thức rõ sai phạm, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tại

trại tạm giam mà cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Đối với Nguyễn Văn T và Trần Phương D đã giúp H lập hợp đồng để mua sản phẩm của Công ty Cổ phần E cũng như các công nhân tại Xưởng gỗ, Nhà máy 1, Công ty Cổ phần E tham gia sản xuất đơn hàng của H nhưng T, D và các công nhân này không biết, không bàn bạc và chỉ làm việc theo nhờ vả và chỉ đạo của Nguyễn Trung H nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Theo Kết luận định giá tài sản số 104/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện M, thành phố Hà Nội thì tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 53.486.559 đồng. Tuy nhiên quá trình điều tra, Công ty Cổ phần E yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 73.348.244 đồng và bị cáo đã bồi thường đủ số tiền 73.348.244 đồng cho Công ty Cổ phần E vào ngày 27/07/2023. Tại phiên tòa, Công ty Cổ phần E không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về dân sự, đồng thời bị cáo cũng không có ý kiến gì về số tiền đã bồi thường nên ghi nhận sự thỏa thuận này.

[8] Về hình phạt bổ sung: Sau khi bị cáo phạm tội đã bị đình chỉ công tác, hiện làm nghề tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định theo tại khoản 1 và khoản 4 Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt **Nguyễn Trung H** 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Tham ô tài sản". Thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường xong về dân sự giữa bị cáo và Công ty Cổ phần E.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 2 Điều 136, khoản 1 và khoản 4 Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Công an thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 7 - Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND phường Vĩnh Phúc, Phú Thọ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng